

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 - 08 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết 06/8/2026						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú	
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm 2026			Tổng số	Trong đó		So sánh trên KHV tỉnh giao	So sánh trên KHV tỉnh giao (sau khi trừ TKC 5%)	So sánh trên KHV đã phân bổ (bao gồm nguồn NS phường)		
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài					Thanh toán vốn kế hoạch năm
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	14	15	16	7
A	PHÂN SỐ LIỆU TỔNG HỢP	26.566		21.400	26.566	7.354	-	-	-	7.354	685	6.668	9.574	-	9.574	22,0%	23,1%	27,7%	
	Vốn trong nước	26.566	-	21.400	26.566	7.354	-	-	-	7.354	685	6.668	9.574	-	9.574	22,0%	23,1%	27,7%	
	Vốn nước ngoài																		
A.I	Vốn NSNN	26.566	-	21.400	26.566	7.354	-	-	-	7.354	685	6.668	9.574	-	9.574	22,0%	23,1%	27,7%	
I	Vốn ngân sách cân đối địa phương (cấp tỉnh, cấp xã)	26.566	-	21.400	26.566	7.354	-	-	-	7.354	685	6.668	9.574	-	9.574	8,0%	8,4%	27,7%	
	Trong đó	-																	
1	Vốn XDCB tập trung	3.000		3.000	3.000	1.714	-	-	-	1.714	402	1.312	2.850	-	2.850	57,1%	60,1%	57,1%	
2	Vốn xổ số kiến thiết	-				-	-	-	-	-			-						
3	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	18.400		18.400	18.400	2.992	-	-	-	2.992	-	2.992	3.742	-	3.742	16,3%	17,1%		Thanh toán theo tiến độ thu ngân sách
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	-			-	-	-	-	-	-			-						
5	Vốn NSDP bổ sung ngoài kế hoạch được giao	5.166			5.166	2.648	-	-	-	2.648	283	2.365	2.982	-	2.982	51,3%		51,3%	
II	Vốn ngân sách trung ương	-		-		-	-			-			-						
I	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	-				-	-			-			-						
2	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	-				-	-			-			-						
3	Vốn nước ngoài	-				-	-			-			-						
4	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	-				-	-			-			-						
A.II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định	-				-	-			-			-						
B	PHÂN SỐ LIỆU CHI TIẾT	26.566		21.400	26.566	7.354				7.354	685	6.668	9.574		9.574				
B.1	Dự án do tỉnh quản lý																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
B.2	Dự án do phường quản lý	26.566		21.400	26.566	7.354				7.354	685	6.668	9.574		9.574				
	Vốn trong nước	26.566	-	21.400	26.566	7.354	-	-	-	7.354	685	6.668	9.574	-	9.574				
	Vốn nước ngoài																		
B.2.1	Vốn NSNN	26.566		21.400	26.566	7.354				7.354	685	6.668	9.574		9.574				
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	26.566		21.400	26.566	7.354				7.354	685	6.668	9.574		9.574				
I.1	Vốn XDCB tập trung	3.000		3.000	3.000	1.714				1.714	402	1.312	2.850		2.850				
*	Dự án chuẩn bị đầu tư	1.200		1.200	1.200	200				200	200		1.200		1.200				
1	Đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang đường Võ Trọng Nguyễn	50		50	50	50				50	50		50		50				
2	Đầu tư, nâng cấp đường Nguyễn Thiếp (đoạn từ Nguyễn Hoàng đến Cao Bá Quát)	50		50	50	50				50	50		50		50				

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết 06/8/2026							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm 2026			Tổng số	Trong đó		So sánh trên KHV tỉnh giao	So sánh trên KHV tỉnh giao (sau khi trừ TKC 5%)	So sánh trên KHV đã phân bổ (bao gồm nguồn NS phường)	
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi							
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	14	15	16	7
3	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 167 Bích Khê và các tuyến nhánh, thuộc tổ 01, phường Cẩm Thành	50		50	50								50		50				
4	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước các tuyến đường: hẻm từ 27 Bà Triệu đến giáp đường Trường Sa, Hẻm từ 99 Bà Triệu đến giáp đường Trường Sa và Hẻm từ Khách sạn Đồng lợi đến đường Chu Huy Mân và các tuyến nhánh thuộc tổ 2, phường Cẩm Thành	50		50	50								50		50				
5	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm nối từ đường Nguyễn Thiệu đến đường Phạm Văn Đồng, thuộc tổ 5, phường Cẩm Thành	40		40	40								40		40				
6	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 140 Hà Huy Tập và tuyến nhánh, thuộc tổ 6, phường Cẩm Thành	40		40	40								40		40				
7	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường hẻm Trước nhà Văn hoá tổ 7 và các tuyến nhánh, thuộc tổ 7, phường Cẩm Thành	40		40	40								40		40				
8	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước các tuyến đường hẻm 804 Quang Trung và Hẻm 82 Lê Lợi (đoạn từ cuối hẻm 215 Võ Thị sáu đến cuối hẻm 900 Quang Trung), thuộc tổ 12, phường Cẩm Thành	50		50	50								50		50				
9	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 368 Phan Đình Phùng, thuộc tổ 13, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
10	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 285 Phan Đình Phùng, thuộc tổ 15, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
11	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 674 Quang Trung và các tuyến nhánh, thuộc tổ 16, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
12	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 235 Phan Bội Châu và các tuyến nhánh, thuộc tổ 25, phường Cẩm Thành	50		50	50								50		50				
13	BTXM + thoát nước các tuyến hẻm 212 Bích Khê và 302 Bích Khê, thuộc tổ 01, phường Cẩm Thành	40		40	40								40		40				
14	BTXM + thoát nước các tuyến Hẻm 139 Phạm Văn Đồng và Hẻm 228 Nguyễn Du, thuộc tổ 05, phường Cẩm Thành	20		20	20								20		20				

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết 06/8/2026						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú	
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm 2026			Tổng số	Trong đó		So sánh trên KHV tỉnh giao	So sánh trên KHV tỉnh giao (sau khi trừ TKC 5%)		So sánh trên KHV đã phân bổ (bao gồm nguồn NS phường)
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm				
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	14	15	16	7
15	BTXM + thoát nước Hẻm từ đường Bắc Sơn (Trường tiểu học Nghĩa Chánh) đến nhà ông Bùng, ông Lực, thuộc tổ 06, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
16	BTXM + thoát nước Hẻm 1123 Quang Trung, thuộc tổ 08, phường Cẩm Thành	20		20	20								20		20				
17	BTXM + thoát nước Hẻm 1060/19/26 Quang Trung và Hẻm 1060/19/35 Quang Trung, thuộc tổ 09, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
18	BTXM + thoát nước tuyến Hẻm dọc tường rào phía nam trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghệ Dung Quất, thuộc tổ 10, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
19	BTXM + thoát nước Hẻm nối từ đường Võ Thị Sáu đến tường rào Trường Phạm Văn Đồng và Hẻm 968/19/23 và tuyến nhánh, thuộc tổ 11, phường Cẩm Thành	30		30	30								30		30				
20	BTXM + thoát nước Hẻm 228 Phan Đình Phùng, thuộc tổ 14, phường Cẩm Thành	20		20	20								20		20				
21	BTXM + thoát nước Hẻm 115 Võ Thị Sáu, thuộc tổ 16, phường Cẩm Thành	20		20	20								20		20				
22	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn phường (các tuyến hẻm chưa đầu tư điện chiếu sáng), gồm các tuyến hẻm:	50		50	50	50				50	50		50		50				
23	Trường Tiểu học Chánh Lộ (cơ sở 2)	300		300	300								300		300				
24	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Chính trị xã hội phường (146 đường Lê Lợi)	50		50	50								50		50				
25	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Cẩm Thành (239 Võ Thị Sáu)	50		50	50	50				50	50		50		50				
*	Dự án khởi công mới	1.650	-	1.650	1.650	1.514	-	-	-	1.514	202	1.312	1.650	-	1.650				
1	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước các tuyến đường hẻm 804 Quang Trung và Hẻm 82 Lê Lợi (đoạn từ cuối hẻm 215 Võ Thị Sáu đến cuối hẻm 900 Quang Trung), thuộc tổ 12, phường Cẩm Thành	1.100		1.100	1.100	1.001				1.001	133	867	1.100		1.100				
2	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 285 Phan Đình Phùng, thuộc tổ 15, phường Cẩm Thành	550		550	550	513				513	68	444	550		550				
*	Tiết kiệm 5%	150		150	150														
I.2	Vốn xố số kiến thiết																		
I.3	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	18.400		18.400	18.400	2.992				2.992		2.992	3.742		3.742				
a.	Phân bổ khởi công mới	5.800		5.800	5.800	2.992				2.992		2.992	3.742		3.742				

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết 06/8/2026							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm 2026			Tổng số	Trong đó		So sánh trên KHV tỉnh giao	So sánh trên KHV tỉnh giao (sau khi trừ TKC 5%)	So sánh trên KHV đã phân bổ (bao gồm nguồn NS phường)	
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó								
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi							
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	14	15	16	7
1	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 235 Phan Bội Châu và các tuyến nhánh, thuộc tổ 25, phường Cẩm Thành	1.000		1.000	1.000	819				819		819	819		819				
2	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm nối từ đường Nguyễn Thiệu đến đường Phạm Văn Đồng, thuộc tổ 5, phường Cẩm Thành	600		600	600	407				407		407	407		407				
3	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước các tuyến đường: hẻm từ 27 Bà Triệu đến giáp đường Trường Sa, Hẻm từ 99 Bà Triệu đến giáp đường Trường Sa và Hẻm từ Khách sạn Đồng lợi đến đường Chu Huy Mân và các tuyến nhánh thuộc tổ 2, phường Cẩm Thành	1.500		1.500	1.500								750		750				
4	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 167 Bích Khê và các tuyến nhánh, thuộc tổ 01, phường Cẩm Thành	800		800	800	507				507		507	507		507				
5	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 674 Quang Trung và các tuyến nhánh, thuộc tổ 16, phường Cẩm Thành	800		800	800	556				556		556	556		556				
6	BTXM + thoát nước Hẻm nối từ đường Võ Thị Sáu đến tường rào Trường Phạm Văn Đồng và Hẻm 968/19/23 và tuyến nhánh, thuộc tổ 11, phường Cẩm Thành	450		450	450	357				357		357	357		357				
7	Đầu tư, nâng cấp mặt đường + thoát nước tuyến đường Hẻm 140 Hà Huy Tập và tuyến nhánh, thuộc tổ 6, phường Cẩm Thành	650		650	650	347				347		347	347		347				
b.	Phân bổ khối công mới chưa phân khai (thực hiện khi đảm bảo điều kiện)	11.680		11.680	11.680														
c.	Tiết kiệm 5%	920		920	920														
I.4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương																		
I.5	Vốn NSDP bổ sung ngoài kế hoạch được giao	5.166			5.166	2.648				2.648	283	2.365	2.982		2.982				
*	Nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách phường năm 2025	5.166			5.166	2.648				2.648	283	2.365	2.982		2.982				
1	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường Tiểu học Chánh Lộ	162			162	162				162	162		162		162				
2	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự phường Cẩm Thành (239 Võ Thị Sáu)	1.215			1.215	612				612	26	586	700		700				
3	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn phường (các tuyến hẻm chưa đầu tư điện chiếu sáng)	1.314			1.314	660				660	31	629	700		700				
4	Đầu tư, nâng cấp đường Nguyễn Thiếp (đoạn từ Nguyễn Hoàng đến Cao Bá Quát)	1.620			1.620	815				815	58	758	920		920				
5	Đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang đường Võ Trọng Nguyễn	855			855	399				399	7	392	500		500				

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết 06/8/2026						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Tỷ lệ giải ngân			Ghi chú	
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm 2026		Tổng số	Trong đó		So sánh trên KHV tỉnh giao	So sánh trên KHV tỉnh giao (sau khi trừ TKC 5%)	So sánh trên KHV đã phân bổ (bao gồm nguồn NS phường)			
				Kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã giao		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó							
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	14	15	16	7
I.3.3	Thực hiện chương trình MTQGXĐ NTM																		
*	Vốn ngân sách trung ương																		
	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																		
B.2.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																		
B.3	Dự án do UBND cấp xã quản lý																		
B.3.1	Vốn NSNN																		
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương																		
I.1	Vốn XD CB tập trung																		
I.2	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất																		
I.3	Vốn ngân sách huyện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp xã																		
I.4	Vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao (nếu có)																		
B.3.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																		